

Heavy

SMOOTH OB

Mô hình khép kín

SMOOTH là có khả năng bảo vệ ESD, có thể giặt ở nhiệt độ 30 C và có thể khử trùng bằng tia cực tím. Giày có độ bám cao và không chứa kim l

Những vật liệu cao cấp hơn	EVA mở rộng
lót bên trong	SAU ĐÓ
trong	SAU ĐÓ
ngoài	Cao su (NBR)
Loạ	OB / SR, FO, HRO, A, E, ESD
Phạm vi kích thước	EU 34-47 / UK 2.0-12.0 / US 2.5-13.0 JPN 21.0-31 / KOR 225-310
thép	0.220 kg
hóa chu	EN ISO 20347:2022+A1:2024 ASTM F2892:2024



3.39 kg

WHT



EGN



BLK



EBL



FUX



LIC

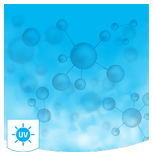


NAV



Dung dịch chống thấm hợp vệ **sinh**

Giày này được làm bằng vật liệu không thấm nước, kháng kỳ nhẹ [illegible] các ứng dụng trong môi làm sạch hoặc hướng dẫn bệnh nhân đi tắm.



Khử **trùng** bằng **hóa** chất **& tia** cực **tím**

Giày này có thể được khử trùng bằng hóa chất và tia cực tím.



X

ESD cung cấp khả năng xả năng lượng tĩnh điện có kiểm soát có thể làm hỏng các bộ phận điện tử và ngăn [illegible] do tích điện. 100 KiloOhm và 100 MegaOhm.



iặt ở [illegible] Những đôi giày này có thể được [illegible] g

Công nghiệp **n:**
phục vụ ăn uố ạnh g, Làm sốcupốẩm m &gĐ

ường: **Môi** t
rư ờn **môi**khô, Bề mặt cự cmịnờn, **môi**ẩm ư ớt

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằm phẳ cáphủ hàn hiệ Khôngtrên lò s

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20347**	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
Nhữ n g vật l iệu **EVA** m ở r ộ n g **cao** cấp h ơn						
	Top: khả năng ư ấm ớ h ơ	? 0.8		N/A	iờ	mg/cm/g
	Top: hi ệ u ố h ơ	? 15		N/A		mg/cm2
ót bên trong	**SAU ĐÓ**					
	L ớp **lót:** ư ấm ớ h ơ	? 2		N/A	iờ	mg/cm/g
	lót: hi ệ u ố h ơ	? 20		N/A		mg/cm2
rong Đ	**SAU ĐÓ**					
ệ m chân Đ	ch ố n g mài mòn (khô/ư ớt) (chu kỳ)	25600/12800		25600/12800		chu kỳ
goài Đ	**Cao su (NBR)**					
	Ch ố ả ưởng ế ngoài (mài mòn)	? 150		149		mm
	Chư ố ợt t gót bản - Ceramic + NaLS - Trư ợt gót v ề phía t	? 0.31		0.48		ma sát
rư	Cột cố ợt bằng G ố m + NaLS - Trư ợt lùi v ề phía t	? 0.36		0.53		ma sát
rư	Cột SR ợt G ố m + Glycerin - Trư ợt gót phía t	? 0.19		0.3		ma sát
	Chư ố ợt SR G ố m + Glycerin - Trư ợt lùi v ề phía t	? 0.22		0.32		ma sát
ị ch	ố Giá t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000		628.1		megaohm
ị ESD	Giá t	0.1 - 100		1.3		megaohm
	Hấp thụ năng l ượ gót chân c ủ	? 20		36		J

kích thước thép: 42

a chúng tôi Đ ợc có ế thay và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh thái:

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
i **CO** **hát** thả					
	V ật l iệu		1.14		kg
	Bao bì		0.10		kg
ất	Sản x u		1.90		kg
	Chuyên ch ở		0.26		kg
				3.39 kg CO2/ cặp	

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	K u	q
ệ vật l	Tiệ **tái** ch ế			
	Product		0%	
	Bao bì		98%	

Tính toán CO2:
ị đ Các giá tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán